

454 我知祂爱我

| | | | | |
|---|--------------|--------------|-------------|----------------------|
| G(G) | D(D7) | G(G) | G(G) | D(D7)(Bm)G(G) |
| 1 2 3 | 2 5 | 1 3 5 | 1 3 2 3 | 1. 1. |
| 1. 天 父 不 | 甘 雀 鸟 堕 落, | 祂 真 关 心 看 顾, | | |
| <i>Thi"-pē m̄ - kam chhek-chiáu tui - lóh, I chin koan-sim khoàn-kò,</i> | | | | |
| 2. 天 父 保 护 树 木 香 花, | 使 它 遍 满 全 地, | | | |
| <i>Thi"-pē pó - hō' chhiū - bàk phang hoe, Hō' i piàn-móa choân-tōe,</i> | | | | |
| 3. 天 父 创 造 地 上 万 物, | 关 心 照 顾 无 离, | | | |
| <i>Thi"-pē chhòng-chō tōe - chiū" bān - mih, Koan-sim chiàu- kò' bô - lī,</i> | | | | |

(和)

Hô

| | | | | |
|---|--------------|-------------|-------------|-----------------------|
| G(G) | D(D7) | G(G) | G(G) | D(D7)(Bm) G(G) |
| 1 2 3 2 5 | 1 3 5 | 1 3 2 3 | 1. 1. | |
| 天 父 的 爱 疼 真 正 大, | 我 知 祂 也 爱 我, | | | |
| <i>Thi"-pē ê thià"-thàng chin-chià" tōa, Góa chai I iā thiàn góa,</i> | | | | |

| | | | |
|--|----------------|--------------|-------------|
| C(C) | G(G) | D(D7) | G(G) |
| 4 6 1 4 | 3 5 1 | 2 5 7 2 | 3 5 1 |
| 天 父 爱 我 真 爱 我, | 天 父 爱 我 真 爱 我, | | |
| <i>Thi"-pē thiàn góa chin thià" góa, Thi"-pē thià" góa chin thiàn góa,</i> | | | |

| | | | |
|---|--------------|--------------|-------------|
| C(C) | G(G) | D(D7) | G(G) |
| 4 6 1 4 | 3 5 1 | 2 5 7 2 | 1. 1. |
| 天 父 的 爱 真 正 大, | 我 知 祂 真 爱 我。 | | |
| <i>Thi"-pē ê thià" chin-chià" tōa, Góa chai I chin thià" góa.</i> | | | |

*Easy Chords in **BLACK** 黑色是初级琴谱

Advance Chords in **RED 红色是高级琴谱